TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HỒNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HS-ST

Ngày: 18-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Trần Ngoan;

Bà Lương Thị Anh Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hồng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Hiền Nhỏ – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Hoàng V, sinh ngày 11-05-1993 tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Hoàng V1, sinh năm 1973 và bà Trần Thị C, sinh năm 1975; Có vợ tên Doanh Thị S, sinh năm 1991; Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2021; Anh chị em ruột: 02 người, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Tạm giữ: Ngày 14/3/2024

Tạm giam: Ngày 17/3/2024.

Bị cáo đang bị giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Đào Thị N, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Cư trú: Ấp L, xã V, huyện V, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Lê Hồ Diễm M, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Cư trú: Ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An.

2/ Lê Thanh Tuấn E, sinh năm 1981 (có mặt);

Cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3/ Lê Thị Thu H, sinh năm 1996 (vắng mặt);

Cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ, ngày 06/8/2023 Lê Hoàng V mượn xe mô tô biển số 62P1- 992.18 của chị Đào Thị N để chở Lê Thị Thu H về nhà trọ tại khóm A, thị trấn S, huyện T. Sau khi chở H về nhà trọ xong thì V tiếp tục mượn xe mô tô của chị N chạy đi mua đồ thì gặp 02 người nam (không biết tên và địa chỉ cụ thể) chặn xe lại đòi nợ vì trước đây V vay số tiền 3.500.000 đồng của 02 người nam này, sau đó V nảy sinh ý định lấy xe mô tô của chị N đem đi cầm lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên V điều khiển xe mô tô chạy đến tiệm cầm đồ của anh Lê Thanh T Em, ngụ: ấp T, xã T, huyện T cầm được số tiền 10.000.000 đồng. Sau khi cầm xe mô tô xong thì V trả nợ (gốc và lãi) cho 02 người nam số tiền 4.200.000 đồng; chuyển cho H số tiền 3.000.000 đồng để nhờ chị H giữ dùm, số tiền 2.800.000 đồng còn lại thì V tiêu xài cá nhân.

Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, không thấy V trả lại xe mô tô nên chị N điện thoại cho V nhưng V không nghe máy. Sau đó, V điện thoại cho chị H nhờ nói lại với chị N là đang chạy xe xuống nhà vợ ở tỉnh Kiên Giang, đến ngày 07/8/2023 V sẽ trả xe mô tô lại cho chị N. Đến ngày 08/8/2023, V thừa nhận đã cầm xe mô tô và có chụp ảnh hợp đồng cầm đồ gửi qua Zalo cho chị H và chị N, V kêu chị H đưa số tiền 3.000.000 đồng cho chị N nhưng chị N không nhận và trình báo sự việc đến cơ quan Công an.

Trong quá trình điều tra Lê Hoàng V đã bỏ trốn khỏi địa phương, ngày 15/01/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra quyết định truy nã V, đến ngày 14/3/2024 thì bắt được V.

Tại cơ quan điều tra, Lê Hoàng V đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

*** Vật chứng của vụ án thu giữ:**

- 01 tờ giấy hợp đồng cầm đồ lập ngày 06/8/2023. Nội dung: Lê Hoàng V cầm cho Lê Thanh T Em 01 xe Honda Vision biển số 62P1-992.18 với giá 10.000.000 đồng.

- 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 62P1-992.18, màu trắng, số khung 5800EY429734, số máy JF58E0315502 và 01 giấy chứng nhận đăng ký

xe mô tô do Lê Hồ Diễm M đứng tên, xe đã qua sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T xử lý trả lại cho chị Đào Thị N.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 42/KL-HĐĐG ngày 14/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, kết luận: 01 (một) xe mô tô biển số: 62P1-992.18 xe đã qua sử dụng, số máy: JF58E0315502, số khung: 5800EY429734, màu sơn: TRẮNG, nhãn hiệu: HONDA, loại phương tiện: 02 bánh, xe mua vào tháng 4/2023. **Giá trị định giá: 9.000.000 đồng.**

Tại Cáo trạng số: 28/CT-VKSTH ngày 08-5-2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố Lê Hoàng V về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Lê Hoàng V thừa nhận toàn bộ hành vi của bị cáo như nội dung cáo trạng truy tố, bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là có lỗi và vi phạm pháp luật.

Tại phần luận tội, Kiểm sát viên đề nghị tuyên bố bị cáo Lê Hoàng V phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Lê Hoàng V mức án từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

Đối với Lê Thanh T Em có cầm xe mô tô biển số 62P1-992.18 của bị cáo Lê Hoàng V nhưng Tuấn E không biết tài sản do V phạm tội mà có nên không xem xét xử lý Tuấn E về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Đối với Lê Thị Thu H, có nhận số tiền 3.000.000 đồng của bị cáo Lê Hoàng V chuyển nhờ giữ giùm, việc V chuyển tiền cho H thì H không biết số tiền do V cầm xe mô tô mà có nên không xem xét xử lý Hương với vai trò đồng phạm với V.

Đối với 02 người nam (không biết tên và địa chỉ cụ thể) mà bị cáo V trả nợ (gốc và lãi) số tiền 4.200.000 đồng chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xem xét xử lý sau.

Về phần dân sự: Bị hại Đào Thị N đã nhận lại tài sản xong và không yêu cầu bị cáo V bồi thường gì thêm nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Riêng Lê Thanh T Em yêu cầu bị cáo Lê Hoàng V trả lại số 10.000.000 đồng tiền cầm xe mô tô biển số 62P1-992.18, bị cáo V thống nhất, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về vật chứng của vụ án: Đã xử lý xong nên không đề nghị xem xét.

Tại phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, Kiểm sát viên trong quá trình tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Từ khi khởi tố vụ án cho đến tại phiên tòa sơ thẩm những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Hoàng V khai nhận hành vi của bị cáo như nội dung cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ được và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở chứng minh bị cáo Lê Hoàng V đã có hành vi mượn xe mô tô biển số 62P1-992.18 của bị hại Đào Thị N, sau đó nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã đem xe mô tô đi cầm cho anh Lê Thanh T Em số tiền 10.000.000 đồng. Mục đích để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

[3] Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực và biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Từ những phân tích trên, đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự".

Điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự quy định:

"*1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó..."

[4] Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục bị cáo

trở thành công dân tốt và có tác dụng răn đe phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Hoàng V đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự quy định: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*". Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xét thấy bản thân bị cáo không có chức vụ, không có tài sản, không thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Đào Thị N đã nhận lại tài sản xong và không yêu cầu bị cáo V bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Riêng Lê Thanh T Em yêu cầu bị cáo Lê Hoàng V trả lại số 10.000.000 đồng tiền cầm xe mô tô biển số 62P1-992.18, bị cáo V thống nhất nên ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong ở giai đoạn điều tra nên không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Xét thấy phát biểu luận tội và đề nghị xử lý vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Hoàng V phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Lê Hoàng V 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo (ngày 14/3/2024).

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo Lê Hoàng V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thanh Tuấn E. Buộc bị cáo Lê Hoàng V có trách nhiệm trả lại cho anh Lê Thanh T Em số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Hoàng V phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18-6-2024). Riêng bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Tân Hồng;
- Cơ quan THAHS CA huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thùy Dung